

Phụ lục I

TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II TỔ TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC TỔ CHUYÊN MÔN MÔN TOÁN 6 (Năm học 2022 - 2023)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 8; Số học sinh: 348 ;

2. Tình hình đội ngũ:

- Số giáo viên: 06

- Trình độ đào tạo: Đại học: 06; Trên đại học: 0

- Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 04; Khá: 02; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học:

TT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Cọc - Dây	24 4	Sắp xếp thành các vị trí thẳng hàng	
2	- Bộ thiết bị dạy hình học trực quan	08	Thực hành tạo thành tam giác đều, lục giác đều, hình thang cân, hình chữ nhật, hình vuông, hình thoi	
3	- Bộ thiết bị dạy hình học phẳng	08	Thực hành nhận dạng luyện tập hình phẳng	
4	- Bộ thiết bị vẽ bảng dạy học	03	GV sử dụng khi vẽ bảng trong dạy học Toán	
5	- Bộ thước thực hành đo chiều cao, đo khoảng cách ngoài trời	04	Thực hành đo chiều cao, đo khoảng cách ngoài trời	
6	- Máy tính cầm tay	6	Bài chủ đề	
7	- Bộ thiết bị dạy thống kê, xác suất: Đồng xu, xúc xắc, hộp nhựa, hộp bóng 3 quả khác màu	08	Thực hành luyện tập về khả năng xảy ra của một sự kiện	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

TT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân bóng	01	Sử dụng cho bài thực hành: “Sắp xếp thành các vị trí thẳng hàng”	

II. Kế hoạch dạy học Toán 6

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết/tuần = 140 tiết

Học kỳ I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết

Học kỳ II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết

Phân theo học kỳ và tuần học

Cả năm	Số học + Đại số (104 tiết)	Hình học (36 tiết)
Học kỳ I 18 tuần (72 tiết)	55 tiết 17 tuần đầu x 3 tiết = 51 tiết 1 tuần cuối x 4 tiết = 4 tiết	17 tiết 17 tuần đầu x 1 tiết = 17 tiết 1 tuần cuối x 0 tiết = 0 tiết
Học kỳ II 17 tuần (68 tiết)	49 tiết 13 tuần đầu x 3 tiết = 39 tiết 3 tuần tiếp theo x 2 tiết = 6 tiết 1 tuần cuối x 4 tiết = 4 tiết	19 tiết 13 tuần đầu x 1 tiết = 13 tiết 3 tuần tiếp theo x 2 tiết = 6 tiết 1 tuần cuối x 0 tiết = 0 tiết

TT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHƯƠNG I. SỐ TỰ NHIÊN				
1	§1. Tập hợp	2	- Nhận biết một tập hợp và các phần tử của nó. - Sử dụng được các kí hiệu tập hợp, thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp. - Sử dụng được cách cho tập hợp.	
2	§2. Tập hợp các số tự nhiên	3	- Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên, các số tự nhiên khác 0. - Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên; so sánh được hai số tự nhiên cho trước. - Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. - Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.	
3	§3. Phép cộng, phép trừ các số tự nhiên	2	- Nhận biết được số hạng, tổng; số trừ, số bị trừ, hiệu. - Nhận biết được tính chất giao hoán, kết hợp, cộng với số 0 - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ trong tập hợp số tự nhiên bằng cách đặt tính. - Vận dụng được các tính chất của phép cộng để thực hiện phép tính trong tính toán. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính quãng đường, thời gian, ...). - Sử dụng máy tính bỏ túi để tính tổng và hiệu.	
4	§4. Phép nhân, phép chia các số tự nhiên	2	- Nhận biết được thừa số, tích; số bị chia, số chia, thương, số dư trong phép chia hết và phép chia có dư. - Nhận biết được tính chất giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, phân phối của phép	

			nhân đối với phép cộng - Thực hiện được các phép tính: nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên bằng cách đặt tính. - Vận dụng được các tính chất của phép nhân trong tính toán hợp lí. - Sử dụng linh hoạt các kí hiệu của phép nhân $a \times b$; $a.b$; ab. Tùy vào từng hoàn cảnh cụ thể. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính. - Sử dụng máy tính bỏ túi để tính tích và thương.	
5	§5. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	3	- Nhận biết được biểu thức lũy thừa, cơ số, số mũ. - Nhận biết được hai quy tắc nhân, chia lũy thừa cùng cơ số. - Viết được tích của cả thừa số bằng nhau dưới dạng lũy thừa. - Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.	
6	§6. Thứ tự thực hiện các phép tính	2	- Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. - Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).	
7	§7. Quan hệ chia hết. Tính chất chia hết	3	- Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội, kí hiệu chia hết, không chia hết. - Cách tìm ước và bội của một số. - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số. - Vận dụng tính chất chia hết để xét xem một biểu thức có chia hết một số hay không. - Giải quyết bài toán thực tế về quan hệ chia hết.	
8	§8. Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5	1	- Nhận biết được các dấu hiệu chia hết cho 2;5. - Nhận biết một số chia hết cho 2;5; 2 và 5. - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5 hay không. - Mở rộng với dấu hiệu chia hết cho 4	
9	§9. Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9	1	- Nhận biết được các dấu hiệu chia hết cho 3;9. - Nhận biết một số chia hết cho 3;9; - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 9 thì sẽ chia hết cho 3.	
10	§10. Số nguyên tố. Hợp số	2	- Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. - Xác định một số là số nguyên tố hay hợp số dựa vào tìm ước của số đó.	

			- Tìm được các ước nguyên tố của một số bằng liệt kê các ước.	
11	§11. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố	2	- Tìm được các ước nguyên tố của một số bằng cách chia số đó cho các số nguyên tố theo thứ tự tăng dần - Thực hiện được phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.	
12	Ôn tập giữa học kì I	2	Hệ thống lại các kiến thức về: + Tập hợp, các phép tính trong tập hợp số tự nhiên. + Tìm ước, bội + Vận dụng tính chất chia hết của một tổng. + Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2;3;5;9 + Phân tích một số tự nhiên nhỏ ra thừa số nguyên tố theo sơ đồ. + Hình học trực quan, cách tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành.	
13	Kiểm tra giữa học kỳ I	2	- Kiểm tra, đánh giá kiến thức về tập hợp các số tự nhiên, các phép tính trên tập hợp số tự nhiên, dấu hiệu chia hết, tính chất chia hết, các yếu tố về hình học trực quan, cách tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành. - Kiểm tra, đánh giá về kĩ năng trình bày bài tập.	Tuần 9 Hình thức: Viết trên giấy
14	§12. Ước chung và ước chung lớn nhất	3	- Nhận biết được khái niệm ước chung và ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số, phân số tối giản. - Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; - Rút gọn một phân số về phân số tối giản bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất. - Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (ví dụ: chia nhóm, chia hình theo những quy tắc cho trước, ...).	
15	§13. Bội chung và bội chung nhỏ nhất	3	- Nhận biết được khái niệm bội chung và bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số - Xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; - Sử dụng được bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu số, cộng trừ các phân số. - Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước, ...).	
16	Bài tập cuối chương I	1	- Tổng hợp các kiến thức về số tự nhiên, các phép tính trên tập hợp số tự nhiên, dấu hiệu chia hết cho 2,5,9,3; ước chung, bội chung, UCLN, BCNN - Vận dụng lý thuyết vào giải bài tập	
CHƯƠNG II. SỐ NGUYÊN				
17	§1. Số nguyên âm	1	- Nhận biết được số nguyên âm, đọc số nguyên âm, viết số nguyên âm. - Nêu được ví dụ về số nguyên âm. - Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn: Nhiệt	

			độ dưới 0°C , độ cao dưới mực nước biển, tiền lỗ, tiền nợ trong kinh doanh, thời gian trước Công nguyên.	
18	§2. Tập hợp các số nguyên	3	- Nhận biết được tập hợp các số nguyên $\mathbb{Z}$ và thứ tự trong $\mathbb{Z}$. - Nhận biết được số đối của một số nguyên - Đọc, viết được số nguyên dương, số nguyên âm. - Biểu diễn được số nguyên trên trục số. - So sánh được hai số nguyên cho trước.	
19	§3. Phép cộng các số nguyên	3	- Nhận biết được các quy tắc cộng số nguyên - Nhận biết các tính chất giao hoán, kết hợp, cộng với số 0, số đối trong tập hợp các số nguyên. - Thực hiện được các phép tính: cộng các số nguyên cùng dấu và khác dấu trong tập hợp các số nguyên. - Vận dụng được các tính chất trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép cộng về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán, ...). - Sử dụng máy tính bỏ túi trong cộng các số nguyên.	
20	§4. Phép trừ số nguyên. Quy tắc dấu ngoặc	2	- Nhận biết quy tắc trừ các số nguyên. - Thực hiện được các phép tính trừ trong tập hợp các số nguyên. - Vận dụng được quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). - Sử dụng máy tính bỏ túi trong trừ các số nguyên.	
21	§5. Phép nhân các số nguyên	2	- Nhận biết được quy tắc nhân hai số nguyên. - Nhận biết các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng. - Thực hiện được các phép tính: nhân hai số nguyên cùng dấu, khác dấu trong tập hợp các số nguyên. - Vận dụng được các tính chất của phép nhân trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). - Sử dụng máy tính bỏ túi trong nhân các số nguyên.	
22	§6. Phép chia hết hai số nguyên. Quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên	3	- Nhận biết được quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên. - Nhận biết được khái niệm ước, bội trong tập hợp số nguyên. - Thực hiện được các phép tính chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. - Tìm được ước, bội, ước chung của hai số nguyên cho trước. - Sử dụng máy tính bỏ túi trong phép chia các số nguyên.	
23	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH	2	- Nhận biết một số khái niệm cơ bản về tài chính và kinh doanh, các cách để tăng lợi	

	VÀ TRẢI NGHIỆM Chủ đề 1. Đầu tư kinh doanh		nhuận - Thực hiện được tính lợi nhuận và các yêu cầu của dự án	
24	Bài tập cuối chương II	1	- Tổng hợp các kiến thức về số nguyên, các phép tính trong tập hợp số nguyên - Vận dụng lý thuyết vào giải bài tập	
25	Ôn tập cuối học kì I	2	Hệ thống lại các kiến thức về: + Tập hợp, các phép tính trong tập hợp số tự nhiên, số nguyên + Tìm ƯC, BC, ƯCLN, BCNN của hai hay nhiều số + Vận dụng các tính chất trong giải bài toán thực tế + Hình học trực quan, cách tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, tính đối xứng của một hình.	
26	Kiểm tra cuối học kỳ I	2	- Kiểm tra, đánh giá về tập hợp các số tự nhiên, số nguyên; các phép tính trên tập hợp số nguyên; ƯC, BC, ƯCLN, BCNN của hai hay nhiều số tự nhiên, số nguyên. - Hình học trực quan, cách tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, bình hành, thoi, vuông. - Kiểm tra, đánh giá về kĩ năng trình bày bài tập của học sinh	Tuần 18 Hình thức: Viết trên giấy
CHƯƠNG III. HÌNH HỌC TRỰC QUAN				
27	§1. Tam giác đều. Hình vuông. Lục giác đều	3	- Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). - Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.	
28	§2. Hình chữ nhật. Hình thoi	3	- Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật. - Vẽ được hình chữ nhật bằng các dụng cụ học tập. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình chữ nhật	
29	§3. Hình bình hành	2	- Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình bình hành - Vẽ được hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình bình hành	
30	§4. Hình thang cân	2	- Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình thang cân. - Vẽ được hình thang cân bằng các dụng cụ học tập. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình thang cân.	
31	§5. Hình có trục đối xứng	2	- Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.	

			- Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). - Xác định được trục đối xứng của một số hình (đoạn thẳng, đường tròn...) bằng cách gấp đôi tờ giấy. Cách cắt giấy để cắt được chữ, hình đơn giản có tâm đối xứng.	
32	§6. Hình có tâm đối xứng	2	- Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. - Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). - Xác định được tâm đối xứng của đoạn thẳng, đường tròn bằng cách quay tờ giấy nửa vòng. Cách cắt giấy để cắt được chữ, hình đơn giản có tâm đối xứng	
33	§7. Đối xứng trong thực tiễn	2	- Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo, ... - Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).	
34	Bài tập cuối chương III	1	- Tổng hợp các kiến thức trực quan và cách tính chu vi, diện tích của các hình của chương - Vận dụng lý thuyết vào giải bài tập	
CHƯƠNG IV. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT				
35	§1. Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu	3	- Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác. - Nhận biết được tính hợp lý của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. - Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột - Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột. - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6, ...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường, ...).	
36	§2. Biểu đồ cột kép	2	- Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng cột kép - Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép - Đọc và mô tả được dữ liệu từ biểu đồ kép - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng	

			cột kép.	
37	§3. Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản	3	- Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). - Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.	
38	§4. Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản	3	- Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.	
39	Bài tập cuối chương IV	2	- Tổng hợp các kiến thức về thu thập dữ liệu, biểu đồ và mô hình xác suất. - Vận dụng lý thuyết vào giải bài tập	
CHƯƠNG V. PHÂN SỐ VÀ SỐ THẬP PHÂN				
40	§1. Phân số với tử và mẫu là số nguyên	3	- Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên. - Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. - Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số - Áp dụng tính chất cơ bản của phân số để rút gọn về phân số tối giản.	
41	§2. So sánh các phân số. Hỗn số dương	2	- So sánh được hai phân số cho trước. - Nhận biết được số đối của một phân số. - Nhận biết được hỗn số dương. - So sánh được hai phân số cùng mẫu, khác mẫu - Vận dụng các kiến thức vào giải các bài toán thực tế.	
42	§3. Phép cộng, phép trừ phân số	3	- Nhận biết được phép cộng, trừ phân số - Nhận biết được các tính chất giao hoán, kết hợp, cộng với phân số đối quy tắc dấu ngoặc của phép cộng phân số - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ với phân số. - Vận dụng được các tính chất với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý).	
43	Ôn tập giữa học kì II	2	Hệ thống lại các kiến thức về: + Thống kê, biểu đồ. + Phân số, so sánh phân số, các phép toán cộng, trừ phân số + Vận dụng các tính chất trong giải bài toán thực tế + Nhận biết các yếu tố về điểm, vị trí hai đường thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm đoạn thẳng..	
44	Kiểm tra giữa học kỳ II	2	- Kiểm tra, đánh giá một số yếu tố thống kê, biểu đồ. Phân số, so sánh hai phân số,	Tuần 26

			cộng, trừ các phân số - Kiểm tra sự nhận biết đường thẳng, đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm đoạn thẳng - Kiểm tra, đánh giá kĩ năng trình bày bài tập.	Hình thức: Viết trên giấy
45	§4. Phép nhân, phép chia phân số	3	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số. - Nhận biết các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng phân số. - Thực hiện được các phép tính nhân, chia với phân số. - Vận dụng được các tính chất trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). - Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, ...).	
46	§5. Số thập phân	2	- Nhận biết được số thập phân âm, cách viết phân số thập phân và ngược lại. - Nhận biết được số đối của một số thập phân. - Đọc được số thập phân. - So sánh được hai số thập phân cho trước.	
47	§6. Phép cộng, phép trừ số thập phân	2	- Nhận biết số đối của số thập phân. - Nhận biết được các tính chất giao hoán, kết hợp quy tắc dấu ngoặc với số thập phân - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, với số thập phân bằng cách đặt phép tính. - Vận dụng được các tính chất trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). - Vận dụng vào bài toán thực tế và hình học. - Sử dụng máy tính bỏ túi để cộng, trừ số thập phân.	
48	§7. Phép nhân, phép chia số thập phân	2	- Nhận biết được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng với số thập phân. - Thực hiện được các phép tính nhân, chia với số thập phân bằng cách đặt phép tính. - Vận dụng được các tính chất trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). - Vận dụng vào bài toán thực tế và hình học. - Sử dụng máy tính bỏ túi để nhân, chia số thập phân.	
49	§8. Ước lượng và làm tròn số	2	- Nhận biết được thế nào là làm tròn số, làm tròn số đến chữ số thập phân thứ mấy. - Nhận biết được thế nào là ước lượng kết quả phép đo, phép tính; ước lượng dung để làm gì. - Làm tròn được một số đến chữ số thập phân đã chọn.	

			- Ước lượng được kết quả một phép tính để dự đoán được tính hợp lý của kết quả. - Giải được bài toán có nội dung thực tế.	
50	§9. Tỉ số. Tỉ số phần trăm	3	- Nhận biết tỉ số, tỉ số phần trăm của hai đại lượng. - Sử dụng được kí hiệu tỉ số, tỉ số phần trăm. - Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. - Giải quyết các bài toán thực tế về tỉ số, tỉ số phần trăm của hai số, hai đại lượng.	
51	§10. Hai bài toán về phân số	2	- Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học, ...).	
52	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM Chủ đề 2. Chỉ số khối cơ thể (BMI)	3	- Hiểu được chỉ số cơ thể người (BMI) dùng để làm gì - Vận dụng công thức tính BMI - Dựa vào chỉ số BMI để biết được mức độ cơ thể của con người	
53	Bài tập cuối chương V	1	- Tổng hợp các kiến thức về số thập phân, các phép tính về số thập phân, tỉ số, tỉ số phần trăm, bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch. - Vận dụng lý thuyết vào giải bài tập	
54	Ôn tập cuối học kì II	2	Hệ thống lại các kiến thức về: + Xác suất, biểu đồ. + Phân số, các phép tính về phân số + Số thập phân, các phép tính về số thập phân. + Vận dụng các tính chất trong giải bài toán thực tế + Nhận biết các yếu tố về điểm, vị trí hai đường thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm đoạn thẳng, góc, cách vẽ góc, tính góc.	
55	Kiểm tra cuối học kì II	2	- Kiểm tra, đánh giá kiến thức về số thập phân, các phép tính về số thập phân - Kiểm tra sự nhận biết đường thẳng, đoạn thẳng, tia, đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm đoạn thẳng, góc, vẽ góc, tính góc. - Kiểm tra cách trình bày bài tập của học sinh.	Tuần 35 Hình thức: Viết trên giấy
CHƯƠNG VI. HÌNH HỌC PHẪNG				
52	§1. Điểm. Đường thẳng	3	- Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. - Nhận biết, kiểm tra được ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. - Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. - Vẽ được đường thẳng đi qua hai điểm.	

57	§2. Hai đường thẳng cắt nhau. Hai đường thẳng song song	2	- Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. - Vẽ được hai đường thẳng song song và cắt nhau.	
58	§3. Đoạn thẳng	3	- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Biết đo được độ dài đoạn thẳng bằng thước chia vạch. Xác định trung điểm đoạn thẳng bằng cách đo - Giải quyết bài toán thực tế về đoạn thẳng.	
59	§4. Tia	3	- Nhận biết được khái niệm tia, gốc của tia, hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau. - Diễn đạt được đúng các khái niệm nêu trên - Vẽ được tia khi biết gốc và một điểm mà tia đi qua.	
60	§5. Góc	4	- Nhận biết được khái niệm góc; đỉnh và cạnh của góc; điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). - Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). - Quan sát và đọc tên được góc. - Nhận biết được khái niệm số đo góc.	
61	Bài tập cuối chương VI	2	- Tổng hợp các kiến thức về điểm, ba điểm thẳng hàng, đoạn thẳng, đường thẳng, tia - Vận dụng lý thuyết vào giải bài tập	
62	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM Chủ đề 3. Sắp xếp thành các vị trí thẳng hàng	2	- Vận dụng kiến thức ba điểm thẳng hàng để nhận biết sự thẳng hàng trong thực tế - Tìm kiếm những hình ảnh về sự thẳng hàng - Tìm hiểu ý nghĩa và ứng dụng của việc sắp xếp thành các vị trí thẳng hàng trong thực tiễn	

III. Các nội dung khác:

1. Sinh hoạt định kỳ: 1 tuần/ tháng

2. Sinh hoạt chuyên môn:

- Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học: 1 lần/ học kỳ

- Sinh hoạt chuyên đề: 2 lần/ học kỳ

3. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo HS yếu kém

- Môn Toán